## Phụ lục X

**MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

*(Kèm theo Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)*

|  |  |
| --- | --- |
| Công ty cổ phần A  Trung tâm giáo dục nghề nghiệp | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

## BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

## GIỚI THIỆU CHUNG

* 1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm): Trung tâm giáo dục nghề nghiệp A.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc): Ông Nguyễn Văn A.

các phòng ban gồm: Phòng Đào tạo; Phòng Hành chính tổng hợp...

Địa chỉ liên lạc: Phố 1, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Điện thoại: 0373.222.333 Fax: 0373.222.345

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: Công ty TTHH, Cty CP…/Tập đoàn…

3. Quyết định thành lập số: 10000 ngày 01/01/2010 của UBND tỉnh Thanh Hoá..

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

Được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh tại giấy chứng nhận đầu tư số: 11111111 ngày 01/01/2010 về việc chứng nhận đăng ký đầu tư dự án: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp….

Được sự đồng ý của Sở KHĐT tỉnh Thanh Hoá tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Trung tâm giáo dục nghề nghiệp A

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp A đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị dạy học lái xe theo tiêu chuẩn nghiệp vụ….

-Các nghề đào tạo: Đào tạo lái xe ô tô các hạng B, C…

-Quy mô đào tạo/năm: 400 học sinh/năm.

## BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

* 1. Đào tạo lái xe từ năm 2011 loại xe (xe con, xe tải 3,5 tấn...) theo văn bản số 1111 ngày 01/01/2011 của Sở GTVT Thanh Hoá..

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được 4000. học sinh, lái xe loại A/B/C.

Hiện nay đào tạo lái xe loại A/B/C, thời gian đào tạo 03 tháng (đối xe hạng B, 06 tháng đối xe hạng C…, số học sinh mỗi loại: 35 xe hạng B; 15 xe hạng c).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

* 1. Tổng số phòng học hiện có:10 phòng, số phòng học chuyên môn :

-Phòng pháp luật giao thông đường bộ: 03 phòng diện tích trung bình 60 m2

-Phòng cấu tạo sửa chữa thông thường có : 01 phòng, diện tích 60 m2

-Phòng học kỹ thuật lái xe có: 02 phòng, diện tích 60 m2

-Phòng học nghiệp vụ vận tải có : 01 phòng, diện tích: 80 m2

-Phòng học thực tập bảo dưỡng sửa chữa có 01 phòng, diện tích 80m2

-Phòng chuẩn bị giảng dạy có 02 phòng, diện tích 60 m2.

* 1. Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

Các phòng được xây dựng, lắp đặt các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, đáp ứn điều kiện tiêu chuẩn theo quy định.

* 1. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

-Giáo trình: có đầy đủ giáo trình để giảng dạy các hạng xe đào tạo

-Có đầy đủ tài liệu hướng dẫn học sinh ôn luyện, kiểm tra…

-Có đầy đủ sổ sách biểu mẫu về đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

Giáo án bài giảng lý thuyết cũng như bài giảng thực hành lái xe thực hiện theo chương trình đào tạo.

* 1. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết: 50

- Số giáo lượng viên dạy thực hành: 150

## DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Số giấy chứng minh nhân dân** | **Hình thức tuyển dụng** | | **Trình độ** | | | **Hạng giấy phép lái xe** | **Ngày trúng tuyển** | **Thâm niên dạy lái** | **Môn học giảng dạy** | **Ghi chú** |
| **Biên chế** | **Hợp đồng (thời hạn)** | **Văn hóa** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyễn Văn A | 01/01/1991 | 174111222 | X |  | 12/12 | Trung cấp | X | C | 01/01/2015 | 05 năm | Thực hành |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

* 1. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.
  + Chủng loại: Xe đào tạo hạng B gồm: 100 xe; xe hạng c: 10 xe
  + Tình trạng chất lượng kỹ thuật: tốt.
  + Thiết bị dạy lái trên xe: thiết bị đầy đủ (chân phanh phụ; mui phủ đối với xe tải; xe thi tốt nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc giao QCVN 40:2015/BGTVT.
  + Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái: đạt 100%.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Số đăng ký xe** | **Nhãn xe** | **Hạng xe** | **Năm**  **sản xuất** | **Chủ sở hữu/hợp**  **đồng** | **Hệ thống**  **phanh phụ (có, không)** | **Giấy phép**  **xe tập lái (có, không)** |
| 1 | 36C-11111 | Toyota | A/B/C… | 2018 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

* 1. Sân tập lái có diện tích: 8.000 m2.
  + Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
  + Có hiện trường tập lái thực tế.
  1. Đánh giá chung, đề nghị:

Trung tâm đã có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất, phòng học, giáo viên, xe tập lái, sân tập lái…

Đề nghị Sở GTVT xem xét kiểm tra đánh giá cấp phép đào tạo lái xe theo quy định.

## HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

***(Ký tên, đóng dấu)***

**Nguyễn Văn A**